

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Điều chỉnh cục bộ (lần 3) Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2.000 Khu công nghiệp Sông Khoai, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị 2009; Luật Xây dựng 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch 2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ ban hành quy định chi tiết một số nội dung về Quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015; Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng về quy định hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 29/2020/QĐ-TTg ngày 24/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Khu kinh tế ven biển Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 80/QĐ-TTg ngày 11/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 974/QĐ-UBND ngày 01/5/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch chung Khu phức hợp đô thị, công nghiệp, công nghệ cao tại thành phố Uông Bí và thị xã Quảng Yên đến năm 2035; Quyết định 3888/QĐ-UBND ngày 18/11/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch chung thị xã Quảng Yên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 769/QĐ-UBND ngày 24/3/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung thị xã Quảng Yên đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 903/QĐ-UBND ngày 30/3/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu Công nghiệp Sông Khoai, Khai

thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh; Quyết định số 4315/QĐ-UBND ngày 01/11/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu Công nghiệp Sông Khoai, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh; Quyết định số 3119/QĐ-UBND ngày 15/9/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu công nghiệp Sông Khoai, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Văn bản số 5058/UBND-QH3 ngày 03/8/2021 của UBND tỉnh về việc thống nhất quy mô mặt cắt ngang tuyến đường nối từ cao tốc Hạ Long – Hải Phòng đến thị xã Đông Triều, Văn bản số 1418/UBND-QH3 ngày 09/3/2022 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu công nghiệp Sông Khoai, thị xã Quảng Yên để thực hiện tuyến đường trực chính qua khu công nghiệp; Văn bản số 5308/UBND-QH3 ngày 07/10/2022 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu KCN Sông Khoai, thị xã Quảng Yên, Văn bản số 5807/UBND-GT1 ngày 10/11/2022 của UBND tỉnh về việc triển khai tuyến đường trục Đông - Tây thuộc KCN Sông Khoai, thị xã Quảng Yên.

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 43/TTr-SXD ngày 11/4/2023, Công ty cổ phần đô thị Amata Hạ Long tại Tờ trình số 81/VB-ACHL/2022 ngày 03/04/2023 và ý kiến tham gia của các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Điều chỉnh cục bộ (lần 3) Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2.000 Khu công nghiệp Sông Khoai, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh với nội dung cụ thể như sau:

1. Mục tiêu và nguyên tắc điều chỉnh cục bộ quy hoạch:

- Đề phù hợp theo định hướng Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 80/QĐ-TTg ngày 11/02/2023, đảm bảo đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội năm 2023 theo Nghị quyết số 128/NQ-HĐND ngày 01/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh và Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 28/11/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

- Khớp nối, đồng bộ hệ thống quy hoạch hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Sông Khoai với quy hoạch tuyến đường ven sông từ cao tốc Hạ Long - Hải Phòng đến thị xã Đông Triều và các công trình hạ tầng kỹ thuật ngoài ranh giới khu công nghiệp.

- Nội dung điều chỉnh cục bộ không làm thay đổi tính chất, chức năng, ranh giới, quy mô, tính chất theo Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu công nghiệp Sông Khoai đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 903/QĐ-UBND ngày 30/3/2017, phê duyệt điều chỉnh cục bộ (lần 1) tại Quyết định số 4315/QĐ-UBND ngày 01/11/2017, phê duyệt điều chỉnh cục bộ (lần 2) tại

Kelu

Quyết định số 3119/QĐ-UBND ngày 15/9/2021.

2. Nội dung điều chỉnh cục bộ:

2.1. Quy hoạch sử dụng đất:

- Điều chỉnh một số vị trí, chức năng sử dụng đất, hình dáng, tên lô đất theo số thứ tự phù hợp¹; điều chỉnh mặt cắt ngang trục đường Đông - Tây đảm bảo đồng bộ theo quy hoạch, dự án tuyến đường ven sông từ cao tốc Hạ Long - Hải Phòng đến thị xã Đông Triều; điều chỉnh bỏ tuyến đường nội bộ giai đoạn 4 và điều chỉnh cục bộ định hướng hạ tầng kỹ thuật có liên quan.

- Quy hoạch sử dụng đất điều chỉnh cục bộ quy hoạch:

+ Bảng cơ cấu sử dụng đất:

Stt	Loại đất	Ký hiệu	QH được duyệt		Điều chỉnh cục bộ	
			Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1	Đất công nghiệp	CN	477,97	66,94	475,49	66,60
2	Đất cây xanh	CX	72,14	10,1	71,53	10,02
3	Mặt nước (điều hòa, chứa nước)	HC	44,36	6,21	40,86	5,72
4	Đất mặt nước	MN	19,47	2,73	19,47	2,73
5	Đất hạ tầng	HTKT	18,41	2,58	23,12	3,24
6	Đất dịch vụ	CC	9,52	1,33	8,52	1,19
7	Đất giao thông		72,13	10,10	75,01	10,50
8	Tổng diện tích KCN		714,00	100,0	714,00	100,0

¹ Tăng diện tích lô đất công nghiệp CN-S-04 diện tích 1,29 ha thành lô đất công nghiệp CN-S-04 diện tích 2,0 ha. Giảm diện tích lô đất công nghiệp CN-M-04 diện tích 3,08 ha thành lô đất công nghiệp CN-M-04 diện tích 2,0 ha. Tăng diện tích, đổi tên lô đất công nghiệp CN-S-37 diện tích 1,5ha thành lô đất công nghiệp CN-S-14 diện tích 1,87ha. Tăng diện tích, đổi tên lô đất công nghiệp CN-S-36 diện tích 1,35 ha thành lô đất công nghiệp CN-M-08 diện tích 2,05 ha. Chuyển lô đất công nghiệp CN-S-34 diện tích 1,35 ha và lô đất công nghiệp CN-S-35 diện tích 1,35 ha thành lô đất hạ tầng trạm xử lý nước thải HT-07 diện tích 2,0 ha. Chuyển lô đất công cộng CC-02 diện tích 1,0 ha thành đất hạ tầng HT-08 diện tích 1,0 ha. Chuyển một phần lô đất công nghiệp CN-XL-09 thành lô đất hạ tầng HT-06 diện tích 1,71 ha và lô đất công nghiệp CN-XL-09 giảm diện tích thành 7,13 ha. Giảm diện tích, đổi tên lô đất công nghiệp CN-XL-03 diện tích 10,05 ha thành lô đất công nghiệp CN-XL-02 diện tích 9,83 ha. Giảm diện tích, đổi tên lô đất công nghiệp CN-XL-04 diện tích 12,59 ha thành lô đất công nghiệp CN-XL-03 diện tích 12,21 ha. Giảm diện tích, đổi tên lô đất công nghiệp CN-XL-05 diện tích 10,36 ha thành lô đất công nghiệp CN-XL-04 diện tích 10,07 ha. Tăng diện tích, đổi tên lô đất công nghiệp CN-L-01 diện tích 5,17 ha thành lô đất công nghiệp CN-L-02 diện tích 5,63 ha. Tăng diện tích, đổi tên lô đất công nghiệp CN-M-22 diện tích 2,65 ha thành lô đất công nghiệp CN-M-24 diện tích 3,65 ha. Tăng diện tích, đổi tên lô đất công nghiệp CN-L-13 diện tích 6,55 ha thành lô đất công nghiệp CN-L-05 diện tích 7,23 ha. Tăng diện tích lô đất cây xanh CX-17 diện tích 3,18 ha thành lô đất cây xanh CX-17 diện tích 3,33 ha. Tăng diện tích lô đất cây xanh CX-18 diện tích 1,01 ha thành lô đất cây xanh CX-18 diện tích 1,2 ha. Giảm diện tích lô đất cây xanh CX-11 diện tích 3,3 ha thành lô đất cây xanh CX-11 diện tích 2,65 ha. Tăng diện tích lô đất cây xanh CX-04 diện tích 1,99 ha thành lô đất cây xanh CX-04 diện tích 2,40 ha. Giảm diện tích lô đất cây xanh CX-03 diện tích 1,64 ha thành lô đất cây xanh CX-03 diện tích 0,96 ha; hình dáng của lô đất hồ nước HC-01 diện tích 0,75ha. KCN

+ Danh mục sử dụng đất điều chỉnh cục bộ quy hoạch:

Stt	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (ha)	Số lô	Chiều cao tối đa công trình (m)
1	Đất công nghiệp		475,49		
1.1	Lô đất có diện tích ≤ 2 ha (size ≤ 2 ha)	CN-S	125,55	86	40
1.2	Lô đất có diện tích từ 2ha đến 4ha (size 2÷4ha)	CN-M	66,78	26	40
1.3	Lô đất có diện tích từ 4ha đến 8ha (size 4÷8ha)	CN-L, XL	118,71	21	40
1.4	Lô đất có diện tích >8ha (size >8ha)	CN-XL	164,45	9	40
2	Đất cây xanh	CX	71,53		
		CX-01	1,94		
		CX-02	0,87		
		CX-03	0,96		
		CX-04	2,40		
		CX-05	1,22		
		CX-06	0,38		
		CX-07	0,20		
		CX-08	0,31		
		CX-09	0,83		
		CX-10	4,71		
		CX-11	2,65		
		CX-12	2,75		
		CX-13	2,64		
		CX-14	1,42		
		CX-15	0,65		
		CX-16	2,07		
		CX-17	3,33		
		CX-18	1,20		
	Cây xanh chuyên dụng		41,00		
3	Mặt nước	HC	40,86		
	Hồ chứa nước	HC-01	0,75		
	Hồ chứa nước	HC-02	5,00		
	Hồ chứa nước	HC-03	3,50		
	Hồ chứa nước	HC-04	6,49		
	Kênh chứa nước	K	25,12		
4	Đất mặt nước	MN	19,47		
	Kênh tiêu nước chính	MN-01	15,39		
	Kênh tiêu nước chính	MN-02	0,75		

Kclh

	Kênh tiêu nước chính	MN-03	2,62		
	Kênh tiêu nước chính	MN-04	0,71		
5	Đất hạ tầng kỹ thuật	HTKT	23,12		
	Trạm xử lý nước thải	HT-01	2,00		20
	Trạm cấp nước sạch	HT-02	2,00		20
	Trạm cấp nước sạch	HT-03	2,00		20
	Trạm xử lý nước thải	HT-04	1,92		20
	Trạm cấp nước sạch	HT-05	5,00		20
	Trạm biến áp 110kV	HT-06	1,71		
	Trạm xử lý nước thải	HT-07	2,00		20
	Trạm biến áp 110kV	HT-08	1,00		
	Đê và hành lang đê		5,49		
6	Đất dịch vụ	CC	8,52		
		CC-01	1,94		100
		CC-02	3,25		100
		CC-03	3,33		100
7	Đất giao thông		75,01		

Ghi chú:

- Mật độ xây dựng thuần của lô đất xây dựng nhà máy, kho tàng tối đa 70%. Đối với các lô đất xây dựng nhà máy có trên 05 sàn sử dụng để sản xuất, mật độ xây dựng thuần tối đa là 60%. (ii) Mật độ xây dựng thuần tối đa của lô đất thương mại dịch vụ và lô đất sử dụng hỗn hợp theo quy định tại Bảng 2.10 và các yêu cầu về khoảng cách tối thiểu giữa các dãy nhà tại điểm 2.6.1, về khoảng lùi công trình tại điểm 2.6.2. (iii) Mật độ xây dựng tối đa khu cây xanh là 5%.

- Tầng cao (i) đất công nghiệp chiều cao tối đa 40m; (ii) đất HTKT chiều cao tối đa 20m; (iii) đất dịch vụ chiều cao tối đa 100m.

- Mật độ, tầng cao cụ thể của các khu chức năng, dự án thứ cấp sẽ được xác định cụ thể trong bước lập quy hoạch chi tiết, dự án và quá trình triển khai các bước tiếp theo đảm bảo tuân thủ các chỉ tiêu kiến trúc-kỹ thuật theo điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu, QCVN 01:2021/BXD, QCVN 07-2016/BXD, các quy định khác có liên quan và ý kiến thỏa thuận, thống nhất của cơ quan chức năng có thẩm quyền quản lý theo từng lĩnh vực.

2.2. Điều chỉnh quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

a) Giao thông:

- Điều chỉnh mặt cắt ngang tuyến đường trục Đông-Tây đảm bảo đồng bộ theo Quy hoạch, dự án tuyến đường ven sông từ cao tốc Hạ Long – Hải Phòng (nút giao Hạ Long Xanh) đến thị xã Đông Triều với 6 làn đường chính có bố trí làn dừng khẩn cấp;

- Điều chỉnh cục bộ các vị trí nút giao tuyến đường trục Đông – Tây.

- Điều chỉnh bỏ tuyến đường nội bộ của giai đoạn 4 (Tuyến đường mặt cắt 12-12 theo quy hoạch đã được phê duyệt). luu

- Cập nhật định hướng tuyến đường sắt đô thị theo Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 80/QĐ-TTg ngày 11/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ;

b) Chuẩn bị kỹ thuật:

- Điều chỉnh, khớp nối cao độ tuyến đường chính trục Đông-Tây với tuyến đường ven sông kết nối từ đường cao tốc Hạ Long – Hải Phòng đến thị xã Đông Triều (cao độ từ 3,1m đến 9,0m); điều chỉnh cục bộ giải pháp san nền phù hợp với điều chỉnh cục bộ vị trí, chức năng các lô đất và quy hoạch sử dụng đất điều chỉnh, đáp ứng yêu cầu thực tế;

- Thoát nước mưa: Điều chỉnh công suất 04 trạm bơm đồng thời điều chỉnh cục bộ tuyến thoát nước mưa phù hợp với quy hoạch sử dụng đất điều chỉnh đảm bảo hoạt động của khu công nghiệp, hoạt động dân sinh, chống ngập úng cho các khu chức năng, khu dân cư lân cận.

c) Quy hoạch cấp nước:

- Điều chỉnh quy mô công suất trạm xử lý nước cấp số 1 từ 13.000m³/ngày đêm lên 34.000m³/ngày đêm để đảm bảo dự phòng nhu cầu cấp nước hiện nay;

- Điều chỉnh cục bộ tuyến cấp nước phù hợp với quy hoạch sử dụng đất điều chỉnh, đáp ứng yêu cầu thực tế.

d) Quy hoạch hệ thống thu gom và xử lý nước thải:

- Bổ sung thêm trạm xử lý nước thải tại lô HT-07;

- Điều chỉnh quy mô công suất trạm xử lý nước thải số 1 từ 12.000m³/ngày đêm lên 24.000m³/ngày đêm để đảm bảo dự phòng xử lý thoát nước thải;

- Điều chỉnh công suất bơm chuyển bậc phù hợp với mạng lưới thoát nước thải điều chỉnh và nhu cầu thực tế; điều chỉnh cục bộ tuyến thoát nước thải phù hợp với quy hoạch sử dụng đất điều chỉnh, đáp ứng yêu cầu thực tế.

đ) Quy hoạch hệ thống cấp điện:

- Điều chỉnh vị trí trạm biến áp tại lô đất HT-06 và HT-08.

- Điều chỉnh tổng nhu cầu sử dụng điện dự kiến là 321,5MVA (theo Văn bản số 8636/UBND-XD3 ngày 30/11/2021 của UBND tỉnh).

- Điều chỉnh quy mô công suất trạm biến áp 110/22kV AMATA 1 từ 2x63 MVA lên 3x63MVA; điều chỉnh quy mô công suất trạm biến áp 110/22kV AMATA 2 từ 2x63 MVA lên 4x63 MVA (theo Văn bản số 1412/BCT-ĐL ngày 21/03/2022 của Bộ Công Thương về việc điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2016-2025, có xét đến 2035).

- Xây dựng mới đường dây 110kV mạch kép T220 Yên Hưng – T110 AMATA 2 (thay thế đường dây mạch kép AMATA 2 - AMATA 1), dây dẫn pha tiết diện 2x330mm², chiều dài 6,5km (theo công văn số 1412/BCT-ĐL ngày 21/03/2022 của Bộ Công Thương).

e) Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc: Điều chỉnh cục bộ tuyến thông tin liên lạc phù hợp với quy hoạch sử dụng đất điều chỉnh, đáp ứng yêu cầu thực tế.

3. Các nội dung khác:

- Các nội dung khác không thuộc nội dung điều chỉnh thực hiện theo Quy hoạch phân khu đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 903/QĐ-

UBND ngày 30/3/2017, điều chỉnh cục bộ (lần 1) tại Quyết định số 4315/QĐ-UBND ngày 01/11/2017, điều chỉnh cục bộ (lần 2) tại Quyết định số 3119/QĐ-UBND ngày 15/9/2021.

- Các bản đồ, hồ sơ Điều chỉnh cục bộ (lần 3) Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu công nghiệp Sông Khoai, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh được duyệt thay thế cho các bản đồ, hồ sơ quy hoạch phân khu đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 903/QĐ-UBND ngày 30/3/2017, điều chỉnh cục bộ (lần 1) tại Quyết định số 4315/QĐ-UBND ngày 01/11/2017, điều chỉnh cục bộ (lần 2) tại Quyết định số 3119/QĐ-UBND ngày 15/9/2021.

- Quá trình thực hiện các bước tiếp theo, tiếp tục nghiên cứu các giải pháp tổ chức giao thông nút giao từ đường nhánh vào trục đường chính Khu công nghiệp Sông Khoai và tại khu vực nút giao giữa đường nội bộ khu công nghiệp với đường giao thông ngoài khu công nghiệp đảm bảo an toàn theo quy định và chỉ đạo của Ủy ban nhân tỉnh tại Văn bản số 5058/UBND-QH3 ngày 03/8/2021.

- Đối với tuyến đường sắt đô thị trong ranh giới đồ án quy hoạch (xác định theo định hướng tại Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 80/QĐ-TTg ngày 11/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ), được triển khai đồng bộ theo giai đoạn phát triển đô thị, khớp nối với toàn tuyến kết nối Đông Triều - Uông Bí - Quảng Yên - Hạ Long (có kết nối với Hải Dương và Hải Phòng) và được nghiên cứu, cụ thể hóa bằng dự án riêng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên phối hợp với Công ty cổ phần đô thị Amata Hạ Long công bố công khai quy hoạch, thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với quy hoạch phân khu được duyệt theo quy định.

2. Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh.

- Thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với khu kinh tế, khu công nghiệp và quản lý quy hoạch theo quy định hiện hành. Phối hợp với Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên quản lý, giám sát việc đầu tư xây dựng trong ranh giới quy hoạch, xử lý các trường hợp xây dựng trái phép không tuân thủ quy hoạch được duyệt.

- Hướng dẫn, hỗ trợ Công ty cổ phần đô thị Amata Hạ Long hoàn thiện các thủ tục tiếp theo, thực hiện đầu tư xây dựng dự án, công trình đảm bảo đúng các quy định hiện hành.

- Chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên nghiên cứu, thực hiện việc bố trí quỹ đất để xây dựng nhà ở, nhà ở xã hội, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng cho người lao động làm việc trong khu công nghiệp theo quy định của pháp luật về quản lý khu công nghiệp, pháp luật về nhà ở trong quá trình lập Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Quảng Yên.

3. Sở Xây dựng thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về quy hoạch chung, quy hoạch phân khu theo quy định.

4. Các sở, ngành: Tài nguyên và Môi trường, Giao thông Vận tải, Công

thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư theo chức năng, nhiệm vụ được giao, hướng dẫn, đôn đốc Công ty cổ phần đô thị Amata Hạ Long triển khai các bước tiếp đảm bảo đúng quy định hiện hành.

5. Công ty cổ phần đô thị Amata Hạ Long:

- Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên, Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh công bố công khai điều chỉnh cục bộ quy hoạch theo quy định.

- Phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh, Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên và các sở, ngành liên quan, rà soát, hoàn thiện đầy đủ các thủ tục pháp lý và nghĩa vụ tài chính với nhà nước (nếu có phát sinh) theo quy định hiện hành. Đầu tư hoàn thiện các công trình hạ tầng (giao thông, cấp điện, cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải) theo quy hoạch, dự án đầu tư được duyệt và các quy định pháp luật đảm bảo hoạt động của khu công nghiệp.

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên và đơn vị có liên quan để dành quỹ đất, thực hiện tuyến đường dây tải điện 220kV Yên Hưng – Nam Hòa đi qua khu vực phía Đông Nam KCN Sông Khoai (hướng tuyến đường dây tải điện 220kV Yên Hưng – Nam Hòa đã được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận tại văn bản số 4564/UBND-QH3 ngày 15/8/2022).

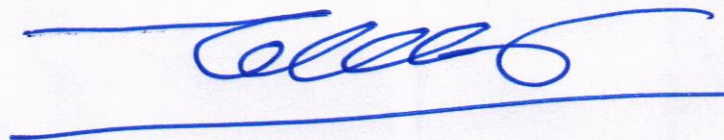
- Quá trình thực hiện đầu tư xây dựng tuyến đường trục Đông-Tây của Khu công nghiệp, chủ động phối hợp với Sở Giao thông Vận tải, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh, Ban Quản lý đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh và các đơn vị liên quan đảm bảo thống nhất, khớp nối, đồng bộ với quy hoạch, dự án tuyến đường ven sông kết nối từ đường cao tốc Hạ Long - Hải Phòng đến thị xã Đông Triều đang triển khai theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại văn bản số 5058/UBND-QH3 ngày 03/8/2021.

Điều 3. Các Ông (Bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông Vận tải, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh, Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần đô thị Amata Hạ Long; Thủ trưởng các ngành và đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
 - Q.CT, các PCT UBND tỉnh;
 - V0-3, XD1-5, QLĐĐ1, QH3, CN, GT1-2;
 - Lưu: VT, QH1.
- QĐ 01

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
Q. CHỦ TỊCH**



Cao Tường Huy